

**TỜ TRÌNH**

**VỀ VIỆC BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ UBND CÁC QUẬN, HUYỆN**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 52 Luật NSNN quy định: “3. Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.”;


Căn cứ Điều 28 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định “Căn cứ nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước của Quốc hội, Hội đồng nhân dân để xử lý kết dư ngân sách (nếu có), cơ quan tài chính cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để làm thủ tục hạch toán chuyển vào quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ, chuyển vào thu ngân sách năm sau theo chế độ quy định.”;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 76/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, trường hợp được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thực hiện thì cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.”;

Căn cứ Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, kỳ họp lần thứ 15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Trên cơ sở văn bản của các cơ quan, đơn vị và UBND các quận, huyện về đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ năm 2024, ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 3177/STC-QLNS ngày 07/10/2024 và Công văn số 3256/STC-QLNS ngày 10/10/2024 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND thành phố tại phiên họp vào ngày 15/10/2024, UBND thành phố kính trình HĐND thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định:

**A. ĐIỀU CHỈNH GIẢM KINH PHÍ BỔ SUNG MỤC TIÊU NĂM 2024  
CỦA UBND HUYỆN HÒA VANG**

Điều chỉnh giảm kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách huyện Hòa Vang năm 2024, số tiền 8.917.572.000 đồng (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm). 



## **B. BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ UBND CÁC QUẬN, HUYỆN**

Phê duyệt dự toán và bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và UBND các quận, huyện để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh; do khối lượng, đối tượng, chế độ tăng thêm ngoài dự toán ngân sách được giao năm 2024 với tổng số tiền 215.309.552.000 đồng (Hai trăm mười lăm tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) (chi tiết Phụ lục 1) từ các nguồn sau:

1. Kết dư ngân sách thành phố năm 2023 (thu kết dư năm 2024) số tiền 206.391.980.000 đồng.

2. Nguồn điều chỉnh giảm kinh phí bổ sung có mục tiêu của huyện Hoà Vang (tại mục A) số tiền 8.917.572.000 đồng.

## **C. ĐIỀU CHỈNH LĨNH VỰC DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

Điều chỉnh dự toán chi năm 2024 cho UBND các quận và Trường Chính trị một số nội dung để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ, cụ thể:

1. Quận Hải Châu: Điều chỉnh giảm chi các hoạt động kinh tế, số tiền 4.205.510.000 đồng; đồng thời tăng chi sự nghiệp văn hóa thông tin số tiền nêu trên để nâng cấp, cải tạo các công trình văn hóa trên địa bàn các phường.

2. Quận Sơn Trà: Điều chỉnh giảm chi các hoạt động kinh tế, số tiền 6.955.710.000 đồng; đồng thời tăng chi các lĩnh vực. Cụ thể:

a) Tăng chi các hoạt động kinh tế là 2.033.178.000 đồng để cắt tỉa cây xanh và xây dựng phương án phố chuyên doanh.

b) Tăng chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể là 1.456.369.000 đồng để làm kho lưu trữ, sửa chữa, cải tạo các khối nhà TTHC quận.

c) Tăng chi sự nghiệp văn hóa thông tin là 392.000.000 đồng để sửa chữa Trung tâm văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng.

d) Tăng chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 1.421.550.000 đồng, để mua sắm, sửa chữa các trường học trên địa bàn quận.

đ) Tăng chi quốc phòng là 1.652.613.000 đồng, để thực hiện nhiệm vụ tuần tra bảo vệ biên giới biển.

3. Quận Ngũ Hành Sơn: Điều chỉnh giảm chi các hoạt động kinh tế, số tiền 4.811.214.000 đồng; đồng thời tăng chi các lĩnh vực. Cụ thể:

a) Tăng chi các hoạt động kinh tế là 763.522.000 đồng, để cắt tỉa cây xanh tại các Trường học và các đơn vị trực thuộc quận phòng chống bão 2024.

b) Tăng chi sự nghiệp văn hóa thông tin là 346.529.000 đồng để hỗ trợ kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị và sửa chữa các Nhà văn hóa, Nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn quận phục vụ Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030.

c) Tăng chi sự nghiệp môi trường là 611.000.000 đồng để hỗ trợ kinh phí

thực hiện công tác nạo vét, dọn dẹp vệ sinh môi trường khu dân cư trên địa bàn trước mùa mưa bão theo Kế hoạch số 3260/KH-UBND ngày 30/9/2024 của UBND quận.

d) Tăng chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề là 2.025.933.000 đồng, để hỗ trợ mua sắm vật chất và sửa chữa thiết bị phục vụ dạy và học của các Trường học trên địa bàn quận.

đ) Tăng chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể là 411.378.000 đồng, để hỗ trợ tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam và tổ chức tọa đàm tưởng niệm về cuộc đời, sự nghiệp của đồng chí Lê Văn Hiến theo Thông báo số 633-TB/TU ngày 09/7/2024 của Thường trực Thành ủy và Kế hoạch số 204-KH/QU ngày 12/8/2024 của Quận ủy Ngũ Hành Sơn.

e) Tăng chi an ninh là 99.000.000 đồng để hỗ trợ Công an PCCC xây nhà làm việc, nhà bếp và vệ sinh, phòng tắm chung để sử dụng tạm thời trong thời gian xây dựng mới.

g) Tăng chi quốc phòng là 460.872.000 đồng, để hỗ trợ mua sắm quân phục cho Đại đội DBĐV.

h) Tăng chi khác là 92.980.000 đồng, để mua sắm tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị thuộc quận.

4. Điều chỉnh giảm chi NSNN năm 2024 qua kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và thực hiện cơ chế chính sách đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2022 tại Trường Chính trị thành phố Đà Nẵng số tiền 544.000.000 đồng.

UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, quyết định././

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND TP;
- Các Ủy viên UBND thành phố;
- BCH Quân sự thành phố;
- Công an thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- UBND các quận, huyện;
- Lưu: VT, STC.

15/11/2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH  
HỒ CHỮ TỊCH



Hồ Kỳ Minh





Phụ lục 1

**PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024 CỦA CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Tờ trình số 117 /TTr-UBND ngày 17/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Liên Chiểu	Cẩm Lệ	Hòa Vang	BCH Quận sự thành phố	Công an thành phố	Văn phòng Thành ủy	Ghi chú
I	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>213.309.552.000</b>	<b>41.820.486.000</b>	<b>28.817.668.000</b>	<b>31.113.634.600</b>	<b>17.079.271.400</b>	<b>22.390.403.800</b>	<b>31.311.439.200</b>	<b>36.688.717.000</b>	<b>1.074.800.000</b>	<b>4.827.480.000</b>	<b>185.652.000</b>	
1	Kinh phí đảm bảo lực lượng ANTT cơ sở theo Nghị quyết số 24, 25/2024/NQ-HĐND ngày 10/6/2024 của HĐND thành phố	69.250.066.000	17.290.638.000	11.560.101.000	9.470.433.000	6.259.057.000	9.031.839.000	7.428.308.000	8.209.690.000				
2	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thành phố	3.308.750.000	646.250.000	736.250.000	643.750.000	325.000.000	343.750.000	472.500.000	141.250.000				
3	Kinh phí hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo năm 2024	3.519.000.000	585.000.000		1.155.000.000	259.000.000	800.000.000		720.000.000				
4	Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở	3.171.480.000									3.171.480.000		
5	Kinh phí đào tạo ngoại ngữ cho cán bộ chiến sỹ Công an thành phố Đà Nẵng	1.656.000.000									1.656.000.000		
6	Kinh phí hỗ trợ bộ đội thường trực và cán bộ, chiến sỹ Hải đội dân quân thường trực (thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố) tham gia thực hiện nhiệm vụ trên biển năm 2024	1.074.800.000								1.074.800.000			
7	Kinh phí thực hiện tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP và Nghị định 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	27.870.268.000	207.600.000	4.836.000.000	3.959.700.000		2.945.000.000	8.929.500.000	6.992.468.000				
8	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết 101/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố (sửa đổi Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND và thay thế Điều c khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND)	50.774.055.000	11.060.000.000	8.935.229.000	6.949.600.000	5.043.060.000	4.120.450.000	5.302.360.000	9.363.356.000				
-	<i>Kinh phí trợ cấp, hỗ trợ, mai táng phí</i>	<i>42.603.956.000</i>	<i>9.440.000.000</i>	<i>8.320.000.000</i>	<i>6.949.600.000</i>		<i>3.841.000.000</i>	<i>4.690.000.000</i>	<i>9.363.356.000</i>				
-	<i>Kinh phí hỗ trợ bảo hiểm y tế</i>	<i>8.170.099.000</i>	<i>1.620.000.000</i>	<i>615.229.000</i>		<i>5.043.060.000</i>	<i>279.450.000</i>	<i>612.360.000</i>					
9	Kinh phí thực hiện hình sách theo Nghị quyết 102/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố (sửa đổi Nghị quyết 19/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2023)	5.891.545.000	794.460.000	617.755.000		1.385.910.000			3.093.420.000				
10	Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng (bao gồm đối tượng theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP)	15.878.126.000	5.398.000.000		4.564.624.000	270.984.000	683.098.000	2.942.597.000	2.018.823.000				
11	Kinh phí quà tặng hỗ trợ thêm cho các đối tượng người có công và đối tượng bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 (Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố)	773.000.000	115.000.000	158.000.000	500.000.000								
12	Lệ phí chi trả qua bưu điện	591.401.000	369.601.000	221.800.000									
13	Kinh phí tổ chức đưa người có công đi điều dưỡng tập trung tại Trung tâm điều dưỡng các tỉnh ngoài thành phố	204.350.000		100.390.000					103.960.000				

STT	Nội dung	Tổng cộng	Hải Châu	Thanh Khê	Sơn Trà	Ngũ Hành Sơn	Liên Chiểu	Cẩm Lệ	Hòa Vang	BCH Quận sự thành phố	Công an thành phố	Văn phòng Thành ủy	Ghi chú
14	Hỗ trợ người hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện tập trung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, có thời gian sau cai nghiện đủ 05 năm trở lên không tái sử dụng trái phép chất ma túy (Nghị quyết số 104/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố)	280.000.000	40.000.000	150.000.000				90.000.000					
15	Kinh phí mừng thọ cho Người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi	177.000.000		96.000.000			81.000.000						
16	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thành phố	8.437.557.000	1.174.202.000	456.650.000	2.060.623.000	31.815.000		2.149.145.000	2.565.122.000				
17	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	655.000.000							655.000.000				
18	Kinh phí hỗ trợ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật	3.761.762.000	890.000.000			994.010.000		490.555.000	1.387.197.000				
19	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thành phố đối với học sinh tại các cơ sở tư thục, ngoài công lập (từ tháng 9 - tháng 12/2024)	10.831.345.000	2.238.735.000			1.417.260.000	3.829.830.000	2.976.445.000	369.075.000				
20	Kinh phí bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thăng hạng cho giáo viên theo Thông tư số 34/2021/TT-BGDĐT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	1.780.302.000			1.175.608.000	604.694.000							
21	Trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo QĐ 24/2016/QĐ-TTg	1.210.000		1.210.000									
22	Kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách tăng thêm do điều chỉnh tăng lương cơ sở	5.274.935.000	1.011.000.000	948.283.000	634.296.600	488.481.400	555.436.800	530.029.200	921.756.000			185.652.000	
23	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục Mầm non ở địa bàn có Khu công nghiệp theo Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND	147.600.000							147.600.000				
<b>II</b>	<b>NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN</b>	<b>215.309.552.000</b>	<b>41.820.486.000</b>	<b>28.817.668.000</b>	<b>31.113.634.600</b>	<b>17.079.271.400</b>	<b>22.390.403.800</b>	<b>31.311.439.200</b>	<b>36.688.717.000</b>	<b>1.074.800.000</b>	<b>4.827.480.000</b>	<b>185.652.000</b>	
1	Nguồn kết dư ngân sách thành phố	206.391.980.000	41.820.486.000	28.817.668.000	31.113.634.600	17.079.271.400	22.390.403.800	31.311.439.200	27.771.145.000	1.074.800.000	4.827.480.000	185.652.000	
2	Nguồn điều chỉnh giảm số bổ sung mục tiêu của huyện Hòa Vang	8.917.572.000							8.917.572.000				Phụ lục 2





Phụ lục 2

**KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẢM NĂM 2024 CỦA HUYỆN HÒA VANG**

(Kính theo Tờ trình số 217 /TTr-UBND ngày 17 /10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Kinh phí giao đầu năm	Ước thực hiện trong năm	Kinh phí đề nghị điều chỉnh giảm
<b>Tổng cộng</b>		<b>30.733.580</b>	<b>21.816.008</b>	<b>8.917.572</b>
1	Kinh phí duy trì thường xuyên cây xanh theo phân cấp (*)	6.832.000	2.490.003	4.341.997
2	Kinh phí chi trả hỗ trợ chăm sóc sức khỏe đối với một số đối tượng người có công với cách mạng cho các đối tượng theo Nghị quyết số 245/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019	2.700.000	2.280.000	420.000
3	Kinh phí cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện theo Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND	2.810.000	2.757.000	53.000
4	Trợ cấp hàng tháng đối với người thuộc hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số	7.767.000	5.328.895	2.438.105
5	Kinh phí hỗ trợ khẩn cấp chi phí điều trị cho người bị bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình của thành phố Đà Nẵng (theo Nghị quyết số 93/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố ĐN)	200.000		200.000
6	Miễn, giảm học phí và hỗ trợ CP học tập theo Nghị quyết số 81/2021/NĐ-CP	1.218.000	971.595	246.405
7	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo NĐ105/2020	140.000	114.720	25.280
8	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo TT 42/2013/TTLT	1.005.000	660.054	344.946
9	Kinh phí thực hiện chính sách giáo dục theo Nghị quyết số 202/2018/NQ-HĐND	5.373.580	4.550.246	823.334
10	Kinh phí tổ chức dạy bơi cho học sinh tiểu học, THCS	2.688.000	2.663.495	24.505

*h.*



Phụ lục 3

**ĐIỀU CHỈNH LĨNH VỰC DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

(Kèm theo *Đề nghị số 117* /TTr-UBND ngày *17/10/2024* của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Lĩnh vực chi	Điều chỉnh dự toán chi năm 2024 giao tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND TP	
			Tăng	Giảm
I	<b>UBND QUẬN HẢI CHÂU</b>		<b>4.205.510</b>	<b>4.205.510</b>
1	<b>Chi các hoạt động kinh tế</b>	<b>280</b>	-	<b>4.205.510</b>
	Chi sự nghiệp ngành (theo định mức)			4.205.510
2	<b>Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin</b>	<b>160</b>	<b>4.205.510</b>	
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình văn hóa trên địa bàn phường Thuận Phước		921.844	
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình văn hóa trên địa bàn phường Hòa Cường Nam		400.223	
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình văn hóa trên địa bàn phường Bình Thuận		1.025.099	
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình văn hóa trên địa bàn phường Nam Dương		284.792	
-	Nâng cấp, cải tạo các công trình văn hóa trên địa bàn phường Hòa Thuận Tây		950.885	
-	Nâng cấp, cải tạo cảnh quan một số bia di tích		622.667	
I	<b>UBND QUẬN SON TRÀ</b>		<b>6.955.710</b>	<b>6.955.710</b>
1	<b>Chi các hoạt động kinh tế</b>	<b>280</b>	<b>2.033.178</b>	<b>6.955.710</b>
	Chi sự nghiệp ngành (theo định mức)			1.655.113
	Kinh phí duy trì thường xuyên cây xanh theo phân cấp			5.300.597
	Kinh phí cắt tỉa cây xanh		1.883.402	
	Kinh phí xây dựng phương án phố chuyên doanh		149.776	
2	<b>Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>	<b>340</b>	<b>1.456.369</b>	-
-	Làm Kho lưu trữ hồ sơ phòng Quản lý đô thị tại Trung tâm hành chính cơ sở 2 bằng Container		97.000	
-	Kho lưu trữ hồ sơ phòng Tài chính - Kế hoạch bằng Container tại Trung tâm hành chính - cơ sở 2		97.000	
-	Cải tạo bếp ăn UBND quận		250.000	
-	Sơn sửa các phòng làm việc khối UBND quận		92.389	
-	Sửa chữa hội trường khối mặt trận, đoàn thể khu nhà C		81.449	
-	Vệ sinh, chống thấm mái hội trường - khu nhà A, lắp đặt bàn mặt đá tại thư viện - khu nhà B		98.000	
-	Sửa chữa khu vệ sinh tầng 2 hội trường - khu nhà A		91.000	
-	Sơn sửa các phòng họp UBND quận - khu nhà A		94.000	
-	Mái che nhà xe khu giữa thư viện, khu nhà A, khu nhà B, và khu nhà C		98.000	
-	Sửa chữa các phòng vệ sinh TTHC quận (cơ sở 2)		88.275	
-	Lắp đặt hệ thống bấm số tự động UBND phường Phước Mỹ		80.000	

*Handwritten signature*



STT	Nội dung	Lĩnh vực chi	Điều chỉnh dự toán chi năm 2024 giao tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND TP	
			Tăng	Giảm
-	Xử lý trật tự đô thị, hàng rong phục vụ các hoạt động Lễ hội du lịch biển năm 2024		96.000	
-	Cải tạo sơn, sửa hàng rào TTHC cơ sở 1		97.936	
-	Nạo vét các mái nhà TTHC cơ sở 1, cơ sở 2		95.320	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin</b>	<b>160</b>	<b>392.000</b>	
-	Sửa chữa hệ thống mương thoát nước và khu vệ sinh, chống thấm TTVH phía Bắc quận Sơn Trà		96.000	
-	Nhà tránh bão kết hợp nhà sinh hoạt cộng đồng tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng		200.000	
-	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng Phước Trường 1 phường Phước Mỹ		96.000	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>070</b>	<b>1.421.550</b>	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa các trường		1.421.550	
<b>5</b>	<b>Chi quốc phòng</b>	<b>010</b>	<b>1.652.613</b>	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tuần tra bảo vệ biên giới biển		1.652.613	
<b>III</b>	<b>UBND QUẬN NGŨ HÀNH SƠN</b>		<b>4.811.214</b>	<b>4.811.214</b>
<b>1</b>	<b>Chi các hoạt động kinh tế</b>	<b>280</b>	<b>763.522</b>	<b>4.811.214</b>
-	Kinh phí duy trì thường xuyên cây xanh theo phân cấp			4.811.214
-	Cắt tỉa cây xanh tại các Trường học và các đơn vị trực thuộc quận phòng chống Bão 2024		763.522	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin</b>	<b>160</b>	<b>346.529</b>	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị và sửa chữa các Nhà Văn hóa, Nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn quận để phục vụ công tác Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 theo Thông báo số 130/TB-UBND ngày 26/7/2024 của UBND quận		346.529	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	<b>250</b>	<b>611.000</b>	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác nạo vét, dọn dẹp vệ sinh môi trường khu dân cư trên địa bàn trước mùa mưa theo Kế hoạch số 3260/KH-UBND ngày 30/9/2024 của UBND quận		611.000	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>070</b>	<b>2.025.933</b>	
-	Kinh phí hỗ trợ mua sắm vật chất và sửa chữa thiết bị phục vụ dạy và học của các Trường học trên địa bàn quận		2.025.933	
<b>5</b>	<b>Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>	<b>340</b>	<b>411.378</b>	
-	Kinh phí hỗ trợ tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam (20/10/1930-20/10/2024)		174.600	
-	Kinh phí tổ chức tọa đàm tưởng niệm về cuộc đời, sự nghiệp của đồng chí Lê Văn Hiến theo Thông báo số 633-TB/TU ngày 09/7/2024 của Thường trực Thành ủy và Kế hoạch số 204-KH/QU ngày 12/8/2024 của Quận ủy Ngũ Hành Sơn		236.778	
<b>6</b>	<b>Chi An ninh</b>	<b>040</b>	<b>99.000</b>	

*Th*



STT	Nội dung	Lĩnh vực chi	Điều chỉnh dự toán chi năm 2024 giao tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND TP	
			Tăng	Giảm
-	Kinh phí hỗ trợ xây nhà làm việc, nhà bếp và vệ sinh, phòng tắm chung để sử dụng tạm thời trong thời gian xây dựng mới		99.000	
7	<b>Chi Quốc phòng</b>	<b>010</b>	<b>460.872</b>	
-	Kinh phí hỗ trợ mua sắm quân phục cho Đại đội DBĐV		460.872	
8	<b>Chi khác (Quản lý Nhà nước)</b>	<b>428</b>	<b>92.980</b>	
-	Kinh phí mua sắm tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị thuộc quận		92.980	
<b>IV</b>	<b>TRƯỜNG CHÍNH TRỊ</b>			<b>544.000</b>
	Giám chi NSNN năm 2024 qua kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và thực hiện cơ chế chính sách đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2022 tại Trường Chính trị thành phố Đà Nẵng			544.000

*Handwritten mark*